

Đương Số: Xemtuong - Âm Nam

Cung mệnh: **Đinh Sửu** - Thai Nguyên: **Át Hợi**

Thân Vượng: Kim **37/50**

Dụng Thần: **Mộc Thủy**

<b>Trụ Năm 2015</b> T.Tài Thai <b>ÁT</b> MÙI Dương Kỷ Ất Đỉnh Kiêu T.Tài Sát M.Dục Thai M.Dục <b>Suy</b> Hoa Cái Thiên Y	<b>Trụ Tháng 09</b> Tài Tuyệt <b>GIÁP</b> THÂN Tuyệt Canh Mậu Nhâm Kiếp Ấn Thương L.Quan Bệnh T.Sinh <b>Đế Vượng</b> Thiên Át QN Kinh Dương Giáp Lộc Không Vong Vong Thần Kiếp Sát Hồng Loan Cô Thần	<b>Trụ Ngày 02</b> <b>Thân</b> Quan Đ.Vượng <b>TÂN</b> TỶ Tử Bính Mậu Canh Quan Ấn Kiếp Bệnh Bệnh L.Quan <b>Tử</b> Dịch Mã Thập Ác ĐB Học Sĩ Quốc Án Thái Dương Phúc Tinh	<b>Trụ Giờ 16:01</b> Quan Bệnh <b>BÍNH</b> THÂN Bệnh Canh Mậu Nhâm Kiếp Ấn Thương L.Quan Bệnh T.Sinh <b>Đế Vượng</b> Thiên Át QN Kinh Dương Giáp Lộc Không Vong Vong Thần Kiếp Sát Hồng Loan Cô Thần
<b>Đại Vận 0 (0 - 7 tuổi)</b> Tài Tuyệt <b>GIÁP</b> THÂN Tuyệt Canh Mậu Nhâm Kiếp Ấn Thương L.Quan Bệnh T.Sinh	<b>Đại Vận 1 (8 - 17 tuổi)</b> Thực Mộ <b>QUÝ</b> MÙI Mộ Kỷ Ất Đỉnh Kiêu T.Tài Sát Q.Đới Dương Q.Đới	<b>Đại Vận 2 (18 - 27 tuổi)</b> Thương Thai <b>NHÂM</b> NGỌ Thai Đỉnh Kỷ Kiêu Sát Kiêu L.Quan L.Quan	<b>Đại Vận 3 (28 - 37 tuổi)</b> Tỷ Tử <b>TÂN</b> TỶ Tử Bính Mậu Canh Quan Ấn Kiếp L.Quan L.Quan T.Sinh
<b>Đại Vận 4 (38 - 47 tuổi)</b> Kiếp Dương <b>CANH</b> THÌN Quý Mậu Ất Quý Ấn T.Tài Thực Q.Đới Q.Đới Dương	<b>Đại Vận 5 (48 - 57 tuổi)</b> Kiêu Bệnh <b>KỶ</b> MÃO Bệnh KỶ MÃO Bệnh Ất Ất T.Tài T.Tài L.Quan L.Quan	<b>Đại Vận 6 (58 - 67 tuổi)</b> Ấn T.Sinh <b>MẬU</b> DẦN T.Sinh Giáp Bính Mậu Tài Quan Ấn L.Quan T.Sinh T.Sinh	<b>Đại Vận 7 (68 - 77 tuổi)</b> Sát Mộ <b>ĐỈNH</b> SỬU Mộ Kỷ Tân Quý Kiêu Tỷ Thực Mộ Dương Q.Đới
<b>Đại Vận 8 (78 - 87 tuổi)</b> Quan Thai <b>BÍNH</b> TỶ Thai Quý Quý Thực Thực L.Quan L.Quan	<b>Đại Vận 9 (88 - 97 tuổi)</b> T.Tài Tử <b>ÁT</b> HỢI Tử Giáp Nhâm Tài Thương T.Sinh L.Quan	<b>Đại Vận 10 (98 - 107 tuổi)</b> Tài Dương <b>GIÁP</b> TUẤT Dương Mậu Đỉnh Tân Ấn Sát Tỷ Mộ Dương Q.Đới	<b>Đại Vận 11 (108 - 117 tuổi)</b> Thực Bệnh <b>QUÝ</b> DẬU Bệnh Tân Tân Tỷ Tỷ L.Quan L.Quan

T.Tài 2015 1 tuổi <b>ÁT</b> MÙI Dương	Quan 2016 2 tuổi <b>BÍNH</b> THÂN Bệnh	Sát 2017 3 tuổi <b>ĐỈNH</b> DẬU T.Sinh	Ấn 2018 4 tuổi <b>MẬU</b> TUẤT Mộ	Kiêu 2019 5 tuổi <b>KỶ</b> HỢI Thai
Kiếp 2020 6 tuổi CANH TỶ Tử	⚡ Tỷ 2021 7 tuổi <b>TÂN</b> SỬU Dương	⚡ Thương 2022 8 tuổi <b>NHÂM</b> DẦN Bệnh	Thực 2023 9 tuổi <b>QUÝ</b> MÃO T.Sinh	Tài 2024 10 tuổi <b>GIÁP</b> THÌN Suy
T.Tài 2025 11 tuổi <b>ÁT</b> TỶ M.Dục	Quan 2026 12 tuổi <b>BÍNH</b> NGỌ Đ.Vượng	Sát 2027 13 tuổi <b>ĐỈNH</b> MÙI Q.Đới	Ấn 2028 14 tuổi <b>MẬU</b> THÂN Bệnh	Kiêu 2029 15 tuổi <b>KỶ</b> DẬU T.Sinh
Kiếp 2030 16 tuổi CANH TUẤT Suy	Tỷ 2031 17 tuổi <b>TÂN</b> HỢI M.Dục	Thương 2032 18 tuổi <b>NHÂM</b> TỶ Đ.Vượng	Thực 2033 19 tuổi <b>QUÝ</b> SỬU Q.Đới	Tài 2034 20 tuổi <b>GIÁP</b> DẦN L.Quan
T.Tài 2035 21 tuổi <b>ÁT</b> MÃO L.Quan	Quan 2036 22 tuổi <b>BÍNH</b> THÌN Q.Đới	Sát 2037 23 tuổi <b>ĐỈNH</b> TỶ Đ.Vượng	Ấn 2038 24 tuổi <b>MẬU</b> NGỌ Đ.Vượng	Kiêu 2039 25 tuổi <b>KỶ</b> MÙI Q.Đới
Kiếp 2040 26 tuổi CANH THÂN L.Quan	Tỷ 2041 27 tuổi <b>TÂN</b> DẬU L.Quan	Thương 2042 28 tuổi <b>NHÂM</b> TUẤT Q.Đới	Thực 2043 29 tuổi <b>QUÝ</b> HỢI Đ.Vượng	Tài 2044 30 tuổi <b>GIÁP</b> TỶ M.Dục
T.Tài 2045 31 tuổi <b>ÁT</b> SỬU Suy	Quan 2046 32 tuổi <b>BÍNH</b> DẦN T.Sinh	Sát 2047 33 tuổi <b>ĐỈNH</b> MÃO Bệnh	Ấn 2048 34 tuổi <b>MẬU</b> THÌN Q.Đới	Kiêu 2049 35 tuổi <b>KỶ</b> TỶ Đ.Vượng
Kiếp 2050 36 tuổi CANH NGỌ M.Dục	Tỷ 2051 37 tuổi <b>TÂN</b> MÙI Suy	Thương 2052 38 tuổi <b>NHÂM</b> THÂN T.Sinh	Thực 2053 39 tuổi <b>QUÝ</b> DẬU Bệnh	Tài 2054 40 tuổi <b>GIÁP</b> TUẤT Dương
T.Tài 2055 41 tuổi <b>ÁT</b> HỢI Tử	Quan 2056 42 tuổi <b>BÍNH</b> TỶ Thai	Sát 2057 43 tuổi <b>ĐỈNH</b> SỬU Mộ	Ấn 2058 44 tuổi <b>MẬU</b> DẦN T.Sinh	Kiêu 2059 45 tuổi <b>KỶ</b> MÃO Bệnh
Kiếp 2060 46 tuổi CANH THÌN Dương	Tỷ 2061 47 tuổi <b>TÂN</b> TỶ Tử	Thương 2062 48 tuổi <b>NHÂM</b> NGỌ Thai	Thực 2063 49 tuổi <b>QUÝ</b> MÙI Mộ	Tài 2064 50 tuổi <b>GIÁP</b> THÂN Tuyệt
T.Tài 2065 51 tuổi	Quan 2066 52 tuổi	⚡ Sát 2067 53 tuổi	Ấn 2068 54 tuổi	Kiêu 2069 55 tuổi

AI	DẬU	Tuyệt	BINH	UAI	Mộ	ĐINH	HỢI	Thai	MAU	I Y	Thai	KY	SƯU	Mộ
⚡ Kiếp CANH	2070 DẪN	56 tuổi Tuyệt	Tỳ TÂN	2071 MÃO	57 tuổi Tuyệt	Thương NHÂM	2072 THÌN	58 tuổi Mộ	Thực QUÝ	2073 TỶ	59 tuổi Thai	Tài GIÁP	2074 NGỌ	60 tuổi Tử

Kim Hòa Thủy Thổ Mộc ⚡ Thiên khắc địa xung

## Giới Thiệu

Thân chào Quý Em Xemtuong,

Chúng tôi xin gửi đến Quý Em Xemtuong lá số tứ trụ này và luận giải cùng Quý Em những vấn đề mà Quý Em đang quan tâm trong lá số. Trong phần bình giải Quý Em hãy xem kỹ câu nào đúng với mình nhất và bỏ qua những câu không đúng, vì trong phần bình giải chúng tôi nhập rất nhiều lời giải, bao gồm những lời giải ví dụ cho các trường hợp khác mà có thể trong lá số Quý Em không có.

Trước khi vào phần chi tiết thì chúng tôi xin nói sơ về tứ trụ, bát tự hay tứ trụ là dùng phương pháp cân bằng ngũ hành để bổ khuyết cho những ai có ngũ hành thiếu như thiếu mộc, hỏa, kim, thủy nhằm cải vận cho vận trình của cuộc đời, mang lại hạnh phúc và thành công trong cuộc sống thông qua học thuật mệnh lý. Môn mệnh lý học này giúp Quý Em dự đoán vận trình may rủi trong đời người thông qua bốn trụ: năm, tháng, ngày và giờ mà con người được sinh ra.

Trải qua hàng ngàn năm, bát tự giúp người ứng dụng dự đoán phần nào những sự việc sẽ xảy ra trong cuộc sống hằng ngày, từ hôn nhân đến sự nghiệp, thời tiết... nhằm đem lại sự thuận lợi cho cuộc sống.

Bát tự chú trọng đến cung vị. Nó cung cấp những tri thức để người dùng thông qua ngày tháng, năm sinh biết những chỗ thừa, chỗ thiếu nhằm tìm ra những yếu tố (dụng thần) giúp cân bằng sự thiếu hụt đó. Bát tự cho biết thời vận tốt xấu để người dùng dụng dự đoán trước vận mệnh mình hòng tìm ra những yếu tố hợp lý để cải vận.

Cho dễ hiểu hơn, tứ trụ là dùng luật ngũ hành tương sinh tương khắc và theo qui tắc cứ quân bình là tốt: hệ "hành" nào thiếu thì đi vào vận có hành đó hoặc có một hành sinh ra nó (ví dụ thiếu hỏa, đi vận có hỏa hoặc có mộc sinh hỏa) mới tốt.

Quý Em nên lưu ý rằng tất cả các lời giải của chúng tôi đều là phán đoán dựa theo các sách dự đoán theo tứ trụ và kinh nghiệm cá nhân, do đó chúng tôi không bảo đảm tính chính xác và không chịu trách nhiệm với bất kỳ lý do gì về lời giải, Quý Em cần phải xem [nội quy](#) trước khi xem tiếp để tránh rắc rối sau này.

Phần can chi 12 con giáp của tứ trụ được tính theo lịch tiết khí, do đó đôi lúc nó sẽ khác can chi 12 con giáp của lịch âm, như tử vi, bói toán. Do đó Quý Em đừng nghĩ chúng tôi lập trình can chi 12 con giáp của phần tứ trụ này sai, mà là nó được lập theo lịch tiết khí nên sẽ khác lịch âm.

Phần tứ trụ này được chúng tôi viết mới hoàn toàn bằng ngôn ngữ web php, dưới sự giám sát chặt chẽ và cố vấn từ các chuyên gia mệnh học của XemTuong.net, và trong thời gian tới chúng tôi sẽ liên tục cập nhật những thuật toán mới để lá số được bình giải đúng và chính xác nhất.

Chúc Quý Em mạnh khỏe, thành công và tìm được điều có ích sau khi xem vận mệnh!

Xemuong.net

## Phân Tích Lá Số Tứ Trụ

### Thông Căn của Nhật Nguyên

Nhật nguyên là Tân Kim gặp địa chi trụ năm Mùi Thổ được Thông căn Trường Sinh Lộc Nhận \*\*.

Nhật nguyên là Tân Kim gặp địa chi trụ tháng Thân Kim được Thông căn Trường Sinh Lộc Nhận \*\*.

Nhật nguyên là Tân Kim gặp địa chi trụ ngày Tỵ Hỏa không thông, là vô căn.

Nhật nguyên là Tân Kim gặp địa chi trụ giờ Thân Kim được Thông căn Trường Sinh Lộc Nhận \*\*.

Sự thông căn của nhật nguyên là một thành phần để xét thân vượng và thân nhược. Căn càng nhiều thì can càng vững mạnh và khả năng thân vượng càng cao.

Điểm 7.5/10

### Lệnh Tháng với tứ trụ

Can Năm **Ất** sinh tháng **Thân** tọa ở **Thai** nên không được Lệnh tháng.

Can Tháng **Giáp** sinh tháng **Thân** tọa ở **Tuyệt** nên không được Lệnh tháng.

Can Ngày **Tân** sinh tháng **Thân** tọa ở **Đế Vượng** nên được Lệnh tháng.

Can Giờ **Bính** sinh tháng **Thân** tọa ở **Bệnh** nên không được Lệnh tháng.

**Thai nguyên:** **Ất Hợi** (Thai nguyên tức là tháng thụ thai)

**Thai Tức:** **Bính Thân** (Thai tức là một cặp can chi tương hợp với can chi ngày sinh)

Sau khi kết hợp can chi của Thai nguyên và Thai tức thì chúng tôi cho rằng giữa hai 2 địa chi Hợi Thân này bị tương hại cho nhau, hơi xấu.

### Xét Cung Mệnh, Thai Nguyên và Tứ Trụ

Thai nguyên **Ất Hợi** nạp âm là **Hỏa**, gặp cung mệnh **Đinh Sửu** nạp âm là **Thủy** là tương khắc, theo lý là cuộc đời Quý Em ít được phúc lộc.

Thai nguyên **Ất Hợi** nạp âm là **Hỏa**, gặp trụ năm **Ất Mùi** nạp âm là Kim là tương khắc thì trong khoảng thời gian ở tuổi thiếu niên có biến động nhẹ.

Thai nguyên **Ất Hợi** nạp âm là **Hỏa**, gặp trụ tháng **Giáp Thân** nạp âm là **Thủy** là tương khắc thì trong khoảng thời gian ở tuổi thanh niên có biến động nhẹ.

Thai nguyên **Ất Hợi** nạp âm là **Hỏa**, gặp trụ ngày Tân **Ty** nạp âm là Kim là tương khắc thì trong khoảng thời gian ở tuổi trung niên có biến động nhẹ.

Thai nguyên **Ất Hợi** nạp âm là **Hỏa**, gặp trụ giờ **Bính Thân** nạp âm là **Hỏa** là bình hòa thì trong khoảng thời gian ở tuổi già cuộc sống bình hòa.

Thai Nguyên và Cung Mệnh chủ đích nói về **Quý** và **Thọ**, nghĩa là xem mệnh được thuận hay bị xung khắc, trường thọ hay đoản thọ. Tương tự như Cục trong Tử Vi, 2 trụ này cho ta một cái nhìn khái quát về bản số và cuộc sống chung quanh. Khi Thai và Mệnh được sinh, không bị khắc chế, thì dù tứ trụ kém cỏi, vẫn hưởng được an nhàn hay sống thọ. Cho đến nay, rất ít người dùng 2 trụ này để bổ túc cho tứ trụ, hoặc chỉ có những người nghiên cứu lâu năm tự ghi nhận thêm vào mệnh số, củng cố cho sự luận đoán của mình.

### Xét Ngũ Hành Can Chi Tứ Trụ

Chúng tôi thấy rằng trụ Năm **Ất Mùi** là **Mộc** khắc **Thổ**.

Chúng tôi thấy rằng trụ Tháng **Giáp Thân** là Kim khắc **Mộc**.

Chúng tôi thấy rằng trụ Ngày Tân **Ty** là **Hỏa** khắc Kim.

Chúng tôi thấy rằng trụ Giờ **Bính Thân** là **Hỏa** khắc Kim.

Sau khi phân tích ngũ hành sinh khắc của tứ trụ thì chúng tôi cho rằng Mệnh cục ngũ hành này quá xấu, tối nẻo tắt đường, tuy nhiên biết kết hợp thời cơ dụng thần đắc lực nắm quyền (khi đến đại vận và lưu niên phù hợp) thì vận khí sẽ đi lên và có thể thực hiện những việc quan trọng mà có thể tránh được rủi ro.

Điểm 0/8

### Xét thiên can địa chi trụ ngày

Sau khi kết hợp can chi của Nhật Chủ và Trụ năm thì giữa hai 2 địa chi Ty Mùi này thuộc nhóm Hợi Mão Mùi tam hợp Mộc, tốt.

Sau khi kết hợp can chi của Nhật Chủ và Trụ tháng thì giữa hai 2 địa chi Ty Thân này là lục hợp Thủy cục, hơi tốt.

Sau khi kết hợp can chi của Nhật Chủ và Trụ giờ thì giữa hai cặp can chi Tân Ty và Bính Thân này tương Hợp cho nhau, tốt.

### Thân Vượng: Kim 37/50

Qua phân tích can Nhật chủ với các thiên can địa chi trong tứ trụ thì chúng tôi cho rằng Quý Em có Thân Kim Vượng, với số điểm phân tích của chúng tôi là 37/50 điểm. Tuy nhiên chúng tôi có thêm một thuật toán khác về thân vượng nhược mà ở đây 23/36 điểm cũng là thân Vượng do đó rất chắc chắn Quý Em là **Thân**

**Vượng Kim.** Để Quý Em Trai rõ hơn thì chúng tôi xin công bố điểm bình quân của cả hai cách tính thân vượng nhược, cách chính thì điểm bình quân là 25 điểm, cách phụ là 18 điểm, chỉ cần điểm tăng lên hay giảm xuống 1 điểm ở ranh giới thôi là kết quả vượng nhược khác nhau, đó đó hãy nhìn điểm bình quân để biết thân vượng nhược nhiều hay ít.

Theo lý nếu thân mà nhược thì dụng thần sẽ là một hành mà có thể sinh thêm cho thân nhược, còn nếu thân vượng thì dụng thần sẽ là một hành xung khắc với thân vượng để hãm bớt thân vượng. Ở đây là thân Vượng Kim thì dụng thần nên là **Hỏa** để khắc bớt Kim, tuy nhiên đó chỉ là lý thuyết, hiện nay chúng tôi đang dùng một thuật toán tính dụng thần khác của chuyên gia mệnh học XemTuong.net, và có thể có dụng thần của chuyên gia khác với dụng thần lý thuyết, tuy nhiên nếu dụng thần lý thuyết trùng với dụng thần của chuyên gia thì sẽ thêm phần chắc chắn.

## Về Dụng Thần

Dụng thần là cái làm cân bằng Tứ Trụ (trừ các trường hợp ngoại lệ). Từ dụng thần có thể dự đoán được mọi họa hay phúc của đời người qua các vận và lưu niên, nó không chỉ có thể giúp ta lập luận chính xác sự việc trong từng đại hạn hay tiểu hạn mà còn hỗ trợ chúng ta thoát những vận hiểm nghèo hoặc giúp ta bắt được những thời cơ tốt trong cuộc đời để mưu sự thành công. Có nghĩa là nếu dụng thần của Quý Em là hỏa thì đến những năm có hành hỏa hoặc những tháng có hành hỏa như mùa hè hoặc làm thứ gì liên quan tới hành hỏa thì sẽ được vượng khí may mắn, công thành danh toại, bệnh tật tiêu trừ còn nếu làm những thứ chống lại dụng thần Hỏa như hành Thủy thì công việc đổ bể, bệnh càng thêm nặng (lưu ý Hỏa đây chỉ là ví dụ).

Ví dụ Quý Em là một người có bối cảnh bát tự là cây cỏ thụ ở giữa sông hồ, mưa phùn, gió lạnh, sinh ra lúc tờ mờ sáng, thiếu ánh mặt trời. Vậy Dụng Thần của Quý Em là gì? Đó là Hỏa và Thổ, vì Hỏa sưởi ấm cho Quý Em khỏi chết rét, Thổ san lấp ngăn chặn những dòng sông đổ về để Quý Em không chết úng.

**Dụng Thần: Mộc Thủy** (cả 2 dụng thần ngang hàng nhau)

Dụng Thần là Mộc (dụng thần 1)

Hành Mộc đại diện cho màu xanh lá, màu của cây cối, phương hướng phát triển thuận lợi là về hướng hướng Đông. Mộc đại diện cho các ngành nghề liên quan đến Vật liệu gỗ, đồ gỗ, đồ gia dụng, đồ trang hoàng, gỗ thành phẩm, nghề giấy, trồng trọt, trồng hoa, nuôi cấy giống cây, các vật lễ thần, hương liệu, các thực phẩm có tổ chất thực vật. Chúng tôi không thể liệt kê ra hết tất cả các thứ, nhưng tóm lại những thứ có liên quan đến hành **Mộc** đều tốt cho Quý Em vì **Mộc** là dụng thần của Quý Em. Quý Em có thể dùng bản tra cứu ngũ hành bên dưới để tra những thứ liên quan đến hành **Mộc**.

Quý Em nên áp dụng triệt để dụng thần trong cuộc sống của mình như thích sử dụng các màu của hành dụng thần. Khi có tiền và điều kiện thì nên đầu tư vào lĩnh vực mà Quý Em dụng thần thì cơ hội thành công sẽ rất cao.

Dụng Thần là Thủy (dụng thần 2)

Hành Thủy đại diện cho xanh biển, màu đen, màu của nước, phương hướng phát triển thuận lợi là về hướng Bắc. Thích hợp với những nghề nghiệp và lĩnh vực kinh doanh liên quan đến các phương diện như: Hàng hải, các loại dung dịch lạnh khó cháy, băng tuyết, các loại cá, thủy sản, thủy lợi, đông lạnh, đóng băng, đánh bắt, dọn rửa, nước chảy, cày khâu, bể bơi, ao hồ, phòng tắm, buôn bán thực phẩm nguội, phiêu du, lướt sóng: các tính chất thuộc Thủy: lưu động, tính liên tục, dễ thay đổi, tính chất mang tính âm, sạch sẽ, làm việc trên biển, du lịch, biểu diễn, vận động, hướng dẫn viên, dụng cụ đồ chơi, ảo thuật, phóng viên, trinh thám, công ty du lịch, dụng cụ cứu hỏa, dụng cụ câu cá, ngành y học, kinh doanh dược phẩm, bác sỹ, y tá, bói toán... Chúng tôi không thể liệt kê ra hết tất cả các thứ, nhưng tóm lại những thứ có liên quan đến hành **Thủy** đều tốt cho Quý Em vì **Thủy** là dụng thần của Quý Em. Quý Em có thể dùng bản tra cứu ngũ hành bên dưới để tra những thứ liên quan đến hành **Thủy**.

Quý Em nên áp dụng triệt để dụng thần trong cuộc sống của mình như thích sử dụng các màu của hành dụng thần. Khi có tiền và điều kiện thì nên đầu tư vào lĩnh vực mà Quý Em dụng thần thì cơ hội thành công sẽ rất cao.

## Gợi ý chọn dụng thần

Thông thường chúng tôi đưa ra từ 2 đến 3 dụng thần cùng lúc, một trong những dụng thần này có cái sẽ tốt

cho thân vượng và có cái sẽ tốt cho thân nhược và Quý Em nên chọn 1 dụng thần để làm dụng thần chủ đạo, những dụng thần còn lại để làm phụ đạo. Nếu Quý Em là **thân nhược** thì hãy chọn dụng thần **tương sinh** để sinh thêm cho thân nhược, còn nếu Quý Em là **thân vượng** thì chọn dụng thần **tương khắc** để khắc hãm bớt thân vượng. Quý Em hãy xem bản ngũ hành xung khắc bên dưới để biết thêm, mũi tên màu đỏ chỉ những hành xung khắc với nhau còn mũi tên màu xanh chỉ những hành sinh hợp với nhau.

Ngoài ra Quý Em có thể dùng mẹo nhỏ này để xem năm nào tốt với Quý Em, ví dụ chữ dụng thần Quý Em có chữ màu xanh lá và màu đỏ thì Quý Em hãy xem trên lá số ở các ô đại vận lưu niên nào có hành can chi (con giáp) cùng màu với màu dụng thần thì đó là những năm dụng thần may mắn của Quý Em, trùng một màu thì tốt ít, trùng cả hai can chi là tốt nhiều, trùng cả đại vận và lưu niên là cực tốt, đó chính là thời cơ để Quý Em mưu sự làm ăn.

### Thiên khắc địa xung

Trụ Năm **Ất Mùi** bị **Tân Sửu** thiên khắc địa xung, cần lưu ý các trụ, đại vận, lưu niên có xuất hiện **Tân Sửu**.

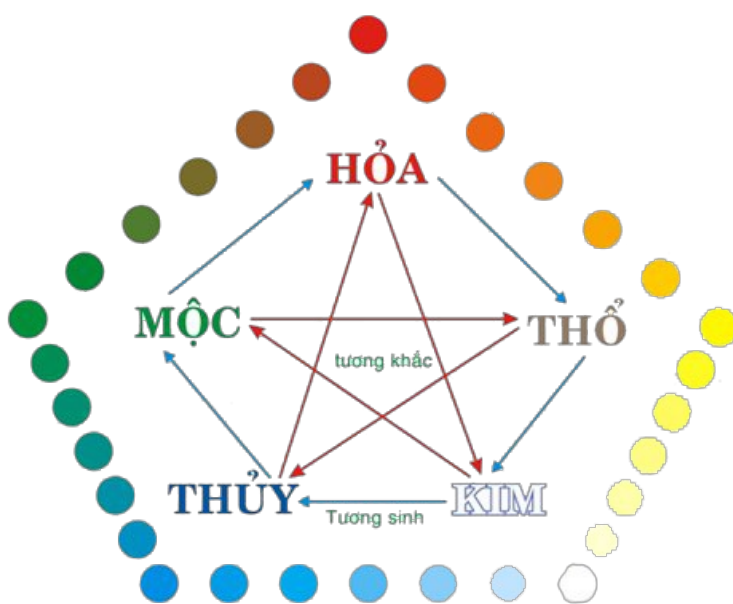
Trụ Tháng **Giáp Thân** bị **Canh Dần** thiên khắc địa xung, cần lưu ý các trụ, đại vận, lưu niên có xuất hiện **Canh Dần**.

Trụ Ngày **Tân Ty** bị **Đinh Hợi** thiên khắc địa xung, cần lưu ý các trụ, đại vận, lưu niên có xuất hiện **Đinh Hợi**.

Trụ Giờ **Bính Thân** bị **Nhâm Dần** thiên khắc địa xung, cần lưu ý các trụ, đại vận, lưu niên có xuất hiện **Nhâm Dần**.

Theo chúng tôi nhật nguyên (hành can trụ ngày) sợ nhất thiên khắc địa xung. Vì vậy người đoán mệnh sau khi tìm ra Bát tự, cần lập tức xem thiên can địa chi "thiên khắc địa xung" là gì, xem đại vận (10 năm) có gặp hay không, lại xem niên vận từng năm có gặp hay không. Nếu như có, thì phải đặc biệt cẩn thận. Nghiêm trọng nhất là "thiên khắc địa xung" không chỉ ở trụ ngày, mà còn xuất hiện ở trụ năm, vì một khi đã xung là ảnh hưởng toàn bộ trọng tâm của Bát tự, đây là đại nạn. Khi tuổi gặp phải vận Thiên khắc địa xung, hoặc tháng xung, năm xung thì đều không nên đi lại nhiều mà nên nghỉ ngơi trong nhà, đây cũng là một cách để đề phòng vận hạn.

Cho dễ hiểu là Quý Em nên cẩn trọng với những năm có sự xuất hiện của các Can Chi xung khắc với tứ trụ, những năm đó rất xấu với Quý Em, đặc biệt là ở trụ ngày. Quý Em hãy nhìn lá số, ô nào có hình tin chớp màu đỏ là bị thiên khắc địa xung tại đó.



### Bản Tra Ngũ Hành Tương Ứng:

Ngũ hành	Mộc	Hỏa	Thổ	Kim	Thủy
Thời gian trong ngày	Rạng sáng	Giữa trưa	Chiều	Tối	Nửa đêm

Ngũ hành	Độc Dương cực	Hòa chính Dương cực	Âm Dương cân bằng	Sinh Âm cực	Thủy chính Âm cực
Năng lượng	Nảy sinh	Mở rộng	Cân bằng	Thu nhỏ	Bảo tồn
Bốn phương	Đông	Nam	Trung tâm	Tây	Bắc
Bốn mùa	Xuân	Hạ	Giao mùa (18 ngày cuối các mùa)	Thu	Đông
Thời tiết	Gió (ấm)	Nóng	Ấm	Mát (sương)	Lạnh
Màu sắc	Xanh Lục	Đỏ	Vàng	Trắng/Đa Cam	Đen/Xanh lam
Thế đất	Dài	Nhọn	Vuông	Tròn	Ngoằn ngoèo
Trạng thái	Sinh	Trưởng	Hóa	Thâu	Tàng
Vật biểu	Thanh Long	Chu Tước	Kỳ lân	Bạch Hổ	Huyền Vũ
Mùi vị	Chua	Đắng	Ngọt	Cay	Mặn
Cơ thể	Gân	Mạch	Thịt	Da lông	Xương tuỷ não
Ngũ tạng	Can (gan)	Tâm (tim)	Tỳ (hệ tiêu hoá)	Phế (phổi)	Tận
Lục phủ	Đờm (mật)	Tiểu trường (ruột non)	Vị (dạ dày)	Đại trường (ruột già)	Bàng quang
Ngũ khiếu	Mắt	Lưỡi	Miệng	Mũi	Tai
Ngũ tân	Bùn phân	Mồ hôi	Nước dãi	Nước mắt	Nước tiểu
Ngũ đức	Nhân	Lễ	Tín	Nghĩa	Trí
Xúc cảm	Giận	Mừng	Lo	Buồn	Sợ
Giọng	Ca	Cười	Khóc	Nói (la, hét, hô)	Rên
Thú nuôi	Chó	Dê/Cừu	Trâu/Bò	Gà	Heo
Hoa quả	Mận	Mơ	Táo tàu	Đào	Hạt dẻ
Ngũ cốc	Lúa mì	Đậu	Gạo	Ngô	Hạt kê
Thập can	+Giáp, -Ất	+Bính, -Đinh	+Mậu, -Kỷ	+Canh, -Tân	+Nhâm, -Quý
Thập nhị chi	+Dần, -Mão	-Tỵ, +Ngọ	+Thìn, +Tuất, -Sửu, -Mùi	+Thân, -Dậu	+Tý, -Hợi
Trạng Thái	Sinh Trưởng	Nhiệt Năng	Đất Đai	Cứng rắn, Cổ kết	Lưu Động, Không ngừng

## Bình Giải Chung

### Tổng Quan Người Thuộc Kim

Theo sách tướng Á Đông thì người thuộc Kim có nước da trắng hồng, đầu, trán và gương mặt cân đối, tai trắng, răng trắng; môi và lưỡi đỏ, cằm vuông, nhân trung sâu; tóc thưa, sợi nhỏ và xanh mượt; tay tròn tựa, hai bàn chân không khuyết, da lưng bàn tay đầy đặn, cứng dẽ; lưng tròn, bụng tròn, rốn sâu, tiếng nói thanh tao. Nhìn chung người thuộc Kim có số phận khá tốt, dù có đang gặp cảnh cơ hàn vẫn tin tưởng vào một tương lai sáng lạn.

Nhìn chung, người thuộc Kim hợp với phương Tây, có thể theo nghề kinh doanh hoặc các nghề có liên quan tới kim loại, có tính cứng rắn, quyết đoán, võ thuật, giám định, khai thác...

### Quý Em Người Thuộc Kim Vượng

Người mà thuộc Kim vượng là người có vóc dáng không gầy, cũng không béo, mắt sâu, lông mày cao, da trắng và đẹp, tác phong quyết đoán, trọng nghĩa khinh tài, giàu lòng tự trọng. Người mà Kim quá vượng thường là kẻ hữu dũng vô mưu nhưng lại tham lam, bất nhân bất nghĩa. Người mà Kim quá vượng thường dễ mắc các bệnh về đại tràng, phổi, gan, trĩ, vùng rốn hoặc các bệnh về da, mũi, khí quản...

### Cung Mệnh ở Sửu có sao Thiên ách

Quý Em trước khó sau thông, xa quê vất vả nhưng về sau tốt.

### Trụ năm của Quý Em có Thiên Tài

Trụ năm có thiên tài (tài) xa quê làm ăn phát tài. Trường hợp can thiên tài chi có tý kiên thì bỏ bất lợi hoặc chết nơi đất khách. Trường hợp can chi đều là thiên tài thì thì tuổi nhỏ làm con nuôi.

### Trụ tháng của Quý Em có Chánh Tài

Trụ tháng có chính tài là cần cù lao động hoặc được ân đức của bố mẹ. Trường hợp tọa kiến lộc hoặc cát thần quý nhân thì song thân có phúc được thừa kế di sản. Trường hợp tọa mộ: Kiệt sĩ như thần giữ cửa, tọa tuyệt không được vợ trợ giúp. Trường hợp tháng chính tài có giờ kiếp tài thì bỏ tốt phát đạt nhưng con thì xấu.

### Trụ ngày của Quý Em có Chánh Quan

Trụ ngày có chính quan thì người thông minh đôn hậu, có đủ năng lực, mưu lược ứng biến. Ngày chủ vượng gặp vận tài phát đại phúc. Nam mệnh thì có vợ đoan trang hiền thu.c. Nữ mệnh thì được chồng tốt.

### Trụ giờ của Quý Em có Chán Quan

Trụ giờ có chính quan thì con cái đôn hậu chính trực. Nếu tọa ở tử tuyệt thì có con mà không được nhờ cậy lúc tuổi già.

### Tứ trụ của Quý Em có quá nhiều Chánh Quan

Chính quan quá nhiều trong tứ trụ thì có sự khắc chế trói buộc trở thành nhu nhược, năng lực yếu. Mặt khác báo việc gia đình không đầy đủ, tiền đồ học hành có cản trở, nếu không có ấn mạnh hoá giải cứu trợ thì không hay. Chính quan không nên gặp Thương quan, vì họa có thể đến. Nhưng có trường hợp Chính quan nhiều mà gặp Thương quan thì lại hay.

### Ngày sinh của Quý Em là ngày Thập ác đại đại

Ngày Thập ác đại đại gặp việc hay đả đốn, có trí nhưng khó tiến thoái, chủ về thất bại. Ngày thập ác đại bại nếu gặp sao tài, sao quan ngược lại là phúc. Nên gặp năm can chi và ngày can chi xung khắc lại là gặp cát thần quý nhân giúp.

### Tứ Trụ của Quý Em có Phúc tinh quý nhân

Phúc tinh quý nhân: Phúc lộc song toàn, dễ được sự ủng hộ thành công.

### Tứ Trụ của Quý Em có Thiên ất quý nhân

Thiên ất quý nhân: Chủ về thông minh đầy đủ trí tuệ, gặp hung hóa cát dễ được quý nhân cất nhắc giúp đỡ. Gặp tam hợp, lục hợp thì phúc đức gia tăng, tài phú thịnh vượng. Nếu hợp hóa với hỷ dụng thần thì trăm sự đều thuận. Ở vận vượng thì phú quý, một đời ít bệnh.

### Trụ tháng của Quý Em có Thiên ất quý nhân với Kiếp Sát

Thiên ất quý nhân Với Kiếp sát cùng trụ thì mưu lược uy nghiêm.

### Trụ giờ của Quý Em có Thiên ất quý nhân với Kiếp Sát

Thiên ất quý nhân Với Kiếp sát cùng trụ thì mưu lược uy nghiêm.

### Trụ tháng của Quý Em có Thiên ất quý nhân và Không vong

Thiên ất quý nhân Gặp không vong hình xung khắc phá, hoặc ở vận yếu suy nhược tử tuyệt phúc có giảm, một đời vất vả.

### Trụ giờ của Quý Em có Thiên ất quý nhân và Không vong

Thiên ất quý nhân Gặp không vong hình xung khắc phá, hoặc ở vận yếu suy nhược tử tuyệt phúc có giảm, một đời vất vả.

### Tứ Trụ có Hoa Cái

Hoa cái chủ về nghệ thuật, tôn giáo nhưng cô độc. Thông minh đầy đủ tài nghệ, tính cô độc, kỵ không vong hình xung phá.

### Tứ Trụ của Quý Em có Dịch Mã

Dịch mã / Trạch mã sao chủ về di chuyển điều động. Gặp xung: như ngựa hoang chạy nhảy. gặp hợp như ngựa đã buộc dây đeo yên khó lòng bay nhảy. Năm vận gặp dịch mã thì di cư thay đổi nghề nghiệp hoặc ra

nước ngoài.

### **Trụ ngày Dịch mã gặp Đào hoa**

Dịch mã gặp Đào hoa: bản thân, phiêu bạt tứ xứ chết nơi đất khách.

### **Trụ ngày Dịch mã gặp Tử Tuyệt**

Dịch mã đóng ở đất tử tuyệt, lại gặp không vong hình xung phá hoại thì gia đình bất an, phiêu bạt tứ xứ thường gặp vất vả.

### **Trụ ngày có Dịch mã và Ngày chủ mệnh**

Ngày chủ mệnh: Tứ trụ gặp dịch mã làm về ngành giao thông.

### **Trụ tháng có Kiếp Sát với thiên át quý nhân cùng trụ**

Kiếp Sát với thiên át quý nhân cùng trụ: có mưu lược có uy danh.

### **Trụ giờ có Kiếp Sát với thiên át quý nhân cùng trụ**

Kiếp Sát với thiên át quý nhân cùng trụ: có mưu lược có uy danh.

### **Trong tứ trụ có Kiếp Sát**

Kiếp sát: Hỷ thì xung kỵ thì hợp.

a: Chi của kiếp sát hợp với các chi khác: vì tửu sắc phá gia tài.

b: Với thiên quan cùng chi: có tai họa ngoài ý nghĩ.

c: Với hỷ dụng thần cùng chi: tài trí hơn người, thông minh mẫn cán.

### **Trong tứ trụ có Vong Thần**

Vong thần: chủ về âm thầm kín đáo tâm cơ khó lường, hỷ nộ không biểu lộ ra mặt.

a: Với hỷ dụng thần: cùng chi và quý nhân cùng trụ là người có mưu lược già dặn.

b: Với kỵ thần cùng chi và Thất sát, Dương nhãn cùng trụ: hình vợ khắc con, hay bị kiện tụng.

c: Với kiếp tài cùng trụ thuộc về sao xấu.

### **Cô thần Quả Tú(trích sách Dự Đoán Theo Tứ Trụ của Thiệu Vĩ Hoa trang 130)**

Những người mà trong mệnh gặp quả tú là những người có nét mặt không tươi vui, hơi khắc khổ, không lợi cho người thân. Nếu mệnh người đó sinh vượng thì còn đỡ, tử tuyệt thì nặng hơn, nếu gặp cả trạch mã thì lang thang bốn phương. Nếu gặp tuần không, vong là từ bé đã không có nơi nương tựa. Gặp tang điều thì cha mẹ mất liền nhau, suốt đời hay gặp trùng tang hoặc tai họa chồng chất, anh em chia lìa, đơn hàn bất lợi. Gặp vận tốt thì việc hôn nhân muộn, gặp vận thấp kém thì lang thang dờn chuyển mãi. Mệnh nam, sinh chỗ vợ tuyệt lại còn gặp cô thần, thì suốt đời khó kết hôn, nữ mệnh sinh chỗ chồng tuyệt còn gặp quả tú thì có lấy được chồng cũng khó mà bách niên giai lão. Nam gặp cô thần nhất định tha phương cầu thực, nữ gặp quả tú thường là mất chồng. Cô thần, quả tú người xưa bàn rất nhiều, chủ về nam nữ hôn nhân không thuận, mệnh khắc lục thân, tai vạ hình pháp, nhưng nếu trong tứ trụ phối hợp được tốt, còn có quý thần tương phù thì không đến nỗi nguy hại thậm chí "cô quả cả hai thần lại còn gặp qua ,ấn, thì nhất định làm đầu đảng ở rừng sâu". Nhưng hôn nhân thường không thuận là điều chắc, hơn nữa lúc phạm vào ngày tháng sẽ khắc phụ mẫu.

### **Thập ác đại bại (trích sách Dự Đoán Theo Tứ Trụ của Thiệu Vĩ Hoa trang 160)**

Ngày thập ác đại bại là "kho vàng bạc hóa thành đất bụi", nếu gặp cát thần phù trợ, quý khí trợ giúp thì còn tốt, nếu gặp thiên đức, nguyệt đức thì không còn là điều kỵ nữa, hoặc gặp tuế kiến, nguyệt kiến, thái dương điền đầy cũng không còn là kỵ nữa.

### **Quốc ấn quý nhân (trích sách Dự Đoán Theo Tứ Trụ của Thiệu Vĩ Hoa trang 130)**

Quốc ấn quý nhân trong dự đoán nói chung ít dùng, nhưng người trong tứ trụ có quốc ấn quý nhân và sinh vượng thì hầu hết làm chức to trong nhà nước hoặc nắm quyền quản lý ở cơ quan.

Sao này cũng có thể tham khảo để các cơ quan dùng tuyển người giữ chức cao.

Người tứ trụ có quốc ấn, chỉ về thành thực đáng tin, nghiêm túc thanh liêm, quy củ, hành sự theo lẽ công, vui vẻ với mọi người, lễ nghĩa nhân từ, khí chất hiên ngang.

Nếu ấn gặp sinh vượng và có cát tinh tương trợ, không gặp xung, phá, khắc, hại thì không những có thể đứng đầu cơ quan mà còn có khả năng tốt.

### **Trạch mã (trích sách Nhập Môn Dự Đoán theo tứ trụ của Trần Viên trang 230)**

Trạch mã là hỷ, nhiều nhất là có tin mừng thăng quan tiến chức, ít nhất cũng là thu được lợi trong sự vận



đo.ng. Mã là kị, nhiều nhất là bốn ba lao khổ, ít nhất là vất vả bận rộn. Mã gặp xung như tuấn mã được thúc thêm; mã bị hợp hoặc bị hóa thì như mã bị trói. Mã tinh là thực thương nếu gặp tài vận là hỉ, phát tài rất nhanh. Nhâm thân, quý Dậu là kiếm phong mã, trụ ngày người như thế là gặp mã tinh. Người xưa nói: "Đầu ngựa treo kiếm là uy trấn biên cương". Mã tinh ở trụ giờ thì thường được điều động di xa, ra nước ngoài, v.v..

### Vong thần (trích sách Dự Đoán Theo Tứ Trụ của Thiệu Vĩ Hoa trang 155)

Vong thần, vong tức là mất, mất từ bên trong gọi là vong. Vong ở chỗ vượng trong ngũ hành (Kiếp ở chỗ tuyệt trong ngũ hành).

Vong thần là gặp quan vượng trong tam hợp cục. Vong thần gặp tài cục là tài vượng, gặp quan cục là quan vượng, gặp thương quan cục là xì hơi.

Gặp tài quan thương mà lớn thì đòi hỏi bản thân vượng nếu gặp thân nhược là hại, gặp ấn cục là tốt.

Vong thần cát thì sắc sảo uy lực, mưu lược tính toán, liệu việc như thần, binh cơ biến hóa, cuối cùng rồi sẽ thắng, nói năng hùng biện lưu loát, tuổi trẻ tiến nhanh.

Nói là tốt tức là chỉ khi mệnh gặp sinh vượng, quý sát. Nói xấu tức là khi mệnh rơi vào tử tuyệt, ác sát, là người ngông cuồng đảo điên, trắng đen thị phi lẫn lộn, lòng dạ hẹp hòi, đam mê tửu sắc, việc quan kiện tụng, phạm quân pháp.

Nếu quý nhân kiến lộc lại gặp vong thần thì chuyên về công việc bút nghiên, văn tự, nên nghề nhờ việc công. Vong thần, Thất sát thì họa không nhẹ, tìm đủ mọi cách việc vẫn không thành, khắc vợ, khắc con, không nổi được nghiệp ông cha, là kẻ sĩ thì vô danh.

Mệnh đã Tuần không còn gặp Vong thần thì họa không nhẹ, nghèo đói suốt đời.

### Kinh dương / Dương nhĩn (trích sách Nhập Môn Dự Đoán Theo Tứ Trụ của Trần Viên trang 232)

Mệnh gặp phải Kinh dương là hung nhiều cát ít. Lộc quá mức thì sinh kinh dương tức là thành công đến cực đỉnh mà vẫn chưa rút lui thì sẽ vượt quá giới hạn cho nên sẽ bị tổn thương vậy. Nếu là người có quý mệnh để áp chế sát thì kinh dương kết hợp tướng tinh sẽ tạo thành uy phong không ngăn cản nổi. Thân nhược gặp kinh dương thì nó có thể giúp trợ thân, nhưng mệnh có kinh dương thì nguy hiểm như làm bạn với hổ. Nếu kinh dương bị hợp xung, bị hình hoặc lâm tuế vận thì dễ bị tai nạn nghiêm trọng.

## Ông Bà Cha Mẹ

Kinh nghiệm cuộc sống cho ta biết, phàm là người có một ít thành đạt trong sự nghiệp đều là những người nghe lời cha mẹ, không quên công ơn dưỡng dục của cha mẹ. Đó cũng là những người con có hiếu. Còn những người lười biếng, ích kỷ, không coi trọng chữ tín, làm những điều tai ác ngược đạo lý ở đời, ngược với lợi ích của xã hội và nhân dân thì đều là những người không có hiếu.

Hiếu kính cha mẹ là thiên đức làm người, cũng là cơ sở để thành công trong sự nghiệp. Ngày xưa các vua khi tuyển dụng người tài, đầu tiên xem người đó có phải là người con hiếu không. Vì người ta cho rằng, ngay đến cha mẹ là người sinh thành dưỡng dục mình mà mình cũng không có hiếu thì làm sao có thể tận trung với vua được. Cách nói đó rất có lý. Ngày nay không ít người khi kết bạn, tìm người yêu, có những Giám đốc khi tuyển dụng người giúp việc hoặc thư ký cũng đều lấy chữ hiếu làm điều kiện quan trọng. Vì người hiếu kính với cha mẹ phần nhiều trung thành với bạn bè, trung thực trong tình yêu, tận tâm với công việc và với lãnh đạo, tận tình trong chức trách và luôn có tinh thần phấn đấu vươn lên, không gây rối trong tập thể.

**Can năm Quý Em là dụng thần thì cha mẹ song toàn**

**Can năm hoặc chi năm, can tháng hoặc chi tháng là hỉ thần, hoặc dụng thần là được hưởng phúc tổ tiên hoặc được cha mẹ nuông chiều.**

**Chi ngày sinh cho chi năm là vợ có hiếu với cha mẹ chồng hoặc quan hệ mẹ chồng con dâu tốt.**

**Chính ấn gặp trạch mã thì cha mẹ lập nghiệp ở phương xa.**

Một người có thể rất hiếu thuận với cha mẹ nhưng trong Tứ trụ lại khắc cha, khắc mẹ, đó là điều khách quan. Người khắc nhẹ thì không có lợi cho cha mẹ, khắc nặng có thể khắc chết. Như có người khắc cha mẹ từ thời kỳ còn nhỏ đã mất cha mẹ, thậm chí có những em bé mệnh cứng, tính khắc rất mạnh vừa sinh ra mẹ không

chết thì cha chết, thậm chí mất cả cha lẫn mẹ trở thành trẻ mồ côi rất đáng thương.

Tứ trụ của một người có thông tin khắc cha mẹ thì dùng biện pháp gì để hóa giải được ? Đây là vấn đề mà mỗi người nên quan tâm. Căn cứ tổng kết các Tứ trụ, phạm những người có con tính khắc mạnh mẽ, nói chung là người ấy có tài, sau khi lớn lên không làm quan to thì cũng là người phú quý giàu sang. Do đó cách giải phải căn cứ vào tính khắc to hay nhỏ mà quyết định. Đối với những người con có tính khắc mạnh thì nên đưa lên chùa để cho những người tu hành nuôi dưỡng. Cũng có người lại nhờ người bố mẹ nuôi. Có người từ nhỏ đã phải nhờ các nhà sư làm thầy. Những trẻ em như thế sẽ có lợi cho cha mẹ. Hoặc đối với những trẻ em bị cha mẹ khắc cũng làm như thế thì cha mẹ mới vẹn toàn và cũng không bị mất con. Nếu không dùng cách giải cứu đó thì hoặc cha mẹ không song toàn, hoặc không bảo đảm được con cái. Cho nên xưa nay có không ít những danh nhân hay người giàu ban đầu được lớn lên từ trong chùa, đến khi học được văn võ song toàn sau đó mới ra đời lập nghiệp. Thực tế chứng minh rằng một người trong Tứ trụ có tiêu chí thông tin khắc cha mẹ, nếu sống xa cha mẹ thì có thể tránh được sự xung khắc đó.

**Đề cương lệnh tháng bị xung khắc thì gây tổn thất cho cha mẹ và người thân, hoặc bị li dị.**

**Chi ấn Quý Em gặp cô thần, quả tú là chủ về cha mẹ cô độc, lục thân không có chỗ nương tựa.**

**Chi ấn Quý Em gặp cô thần, quả tú là chủ về cha mẹ cô độc, lục thân không có chỗ nương tựa.**

**Trụ năm Quý Em là dụng thần nếu gặp đại vận lưu niên bị thiên khắc địa xung là có tang cha mẹ.**

**Đến năm tuế vận có can chi mà bị thiên khắc địa xung là có tang cha mẹ.**

**Trong Tứ trụ Quý Em đều có cả thiên và tài là mẹ sẽ lấy hai đời chồng.**

Có người sản nghiệp ông cha hùng hậu, nhưng Tứ trụ của mình lại thân nhược không thể thắng tài cho nên không thừa kế nổi sản nghiệp của ông cha, thậm chí ngày càng nghèo đi. Cuối cùng sản nghiệp của ông cha bị tan nát vì tay mình, với người như thế không thể nói là có mệnh phú quý cho dù ở trong một gia đình giàu có. Ngược lại, có những đời ông cha nghèo khổ, nhưng tổ hợp sắp xếp Tứ trụ của người đó tốt, chẳng qua vì vận tốt đến thì trở thành phú ông giàu có. Người có mệnh như thế gọi là mệnh phú quý.

**Quan gặp vượng địa thì ông cha vinh hiển.**

**Trụ năm làm dụng thần thì được hưởng tài sản tổ nghiệp để lại.**

**Can năm làm dụng thần là tốt, tức là được âm đức của cha ông để lại.**

**Ngày thông với lệnh tháng là nhờ tổ tiên mà yên ổn.**

**Lệnh tháng bị xung khắc thì bại sản tổ nghiệp.**

**Bị kinh dương, thất sát cướp đoạt tài**

**Bị kinh dương, thất sát cướp đoạt tài hoá quý (xấu) là nhà cửa sa sút, xa rời quê hương.**

**Ấn tinh bị thương thì làm hỏng tổ nghiệp, lìa bỏ quê hương.**

**Trong Tứ trụ gặp cả vong thần, thất sát là cha ông không để lại được gì.**

**Tài tinh bị phá là lúc hết ruộng vườn, đi khỏi quê hương.**

**Trụ năm có thất sát, tỉ kiếp là ông cha không có một tấc đất, xa rời quê hương.**

## Anh Em Huynh Dê

**Tỉ kiếp Quý Em gặp nhiều là anh chị em đông đúc.**

**Tỉ kiếp Quý Em đóng ở lộc hoặc gặp quý nhân là anh chị em giàu có đầy đủ**

**Tỉ kiếp Quý Em đóng ở lộc hoặc gặp quý nhân là anh chị em giàu có đầy đủ**

**Tỉ kiếp Quý Em đóng ở lộc hoặc gặp quý nhân là anh chị em giàu có đầy đủ**

**Tỉ kiếp Quý Em đóng ở trạch mã là anh chị em đi xa.**

Trụ ngày Quý Em yếu, mà không có tỉ kiếp thì lấy ẩn để tính số lượng anh em.

Tháng và ngày Quý Em tương sinh cho nhau là anh em hoà thuận.

Lệnh tháng Quý Em gặp xung là anh em mỗi người một phương.

Trong Tứ trụ Quý Em không có tỉ kiếp và ẩn tinh là từ bé đã gặp vận tỉ kiếp, bản thân nhờ anh em họ hay bạn bè nuôi dưỡng lớn lên.

## Gia Đạo Tình Duyên

Trước khi vào phần bình giải về gia đạo tình duyên thì chúng tôi xin đưa ra những tuổi hợp với Quý Em về hôn nhân như sau.

Quý Em Nam tuổi **Ất Mùi** hợp với Nữ tuổi **Bính Thân - Đinh Dậu - Bính Ngọ** về hôn sự.

Chúng tôi lấy trụ năm của nam nữ tương sinh tương hợp làm chính chứ không đòi hỏi mệnh của nam nữ tương sinh. Nếu trụ năm của hai bên tương sinh tương hợp, mệnh năm lại tương sinh thì tất nhiên càng tốt. Chúng tôi chọn tuổi phối hôn nam nữ là chọn những năm sinh phối hôn tốt nhất, lý tưởng nhất, là lấy theo đề phòng khắc chồng khắc vợ làm mục tiêu chính. Bên cạnh đó những phương pháp phối hôn theo cách cổ đại vẫn có thể dùng được. Nói như thế nghĩa là chọn cách phối hôn theo chúng tôi cũng được hoặc theo cách cổ cũng được, Quý Em có thể tuỳ ý chọn.

**Vợ chồng Quý Em có trụ năm tương sinh hoặc thiên hợp địa hợp thì bách niên giai lão.**

**Quý Em gặp kinh dương thì vợ chồng bất hòa và không lợi cho con.**

Nam gặp kinh dương là lấy vợ hai lần, nữ gặp kinh dương tất sẽ tái giá.

**Kiếp tài của nam là vợ**

Chi ngày là sao vợ, tháng là cung hôn nhân, ngày là cung phối hôn.

**Quý Em có Kiếp tài đóng ở ngày, chủ về vợ nội trợ tốt, hoặc nhờ vợ mà phát tài.**

**Quý Em có Quý nhân đóng ở ngày là vợ hiền lành, đẹp, có danh tiếng.**

**Chi ngày Quý Em là dần thân tị hợp thì vợ đôn hậu**

**Mệnh nam Quý Em lấy vợ làm phúc.**

**Quý Em có Mã nhập cung thê là được người vợ đảm đang.**

**Quý Em Vận nam hợp với tài là vợ sớm.**

**Ở tuổi thanh niên nếu đại vận lưu niên gặp Kiếp Tài thì sẽ kết hôn năm đó.**

**Đại vận, lưu niên tam hợp tài là có tin mừng về cưới hỏi.**

**Trong chi tàng phục tài là thiên vị vợ lẽ.**

**Trụ ngày Quý Em có mã tinh mà không bị xung phá là lấy được vợ đẹp.**

**Trong Tứ trụ Quý Em có thiên tài là yêu vợ lẽ hơn vợ cả.**

**Quý Em có Trụ ngày đóng ở chính quan thì vợ đoan trang, hiền dịu.**

**Trong Tứ trụ Quý Em có kinh dương gặp tuế vận là của cải hoa tán, khắc vợ, hại con.**

Trong cục có tài nhiều thì khắc vợ nặng, không có tài thì khắc nhẹ hơn. Khi mà can chi của đại vận gặp can chi lưu niên (tức trong 60 ô nhỏ theo từng năm trên lá số) thì gọi là tuế vận.

**Quý Em có Sao thê mất lệnh là ly hôn giữa chừng.**

**Quý Em có Trụ ngày không có tài là xa lìa vợ.**

**Lệnh tháng, Quý Em có tài đóng ở tuyệt địa thì vợ nội trợ kém.**

**Quý Em có Tài ở tử tuyệt mộ địa thì suốt đời phiêu bạt.**

Quý Em có Trạch mã đóng ở trụ ngày là vợ nhiều bệnh hoặc lười biếng.

Quý Em có Tài tuyệt ở cung tù là muộn vợ, muộn con.

## Công Danh Sự Nghiệp

### Tài vận với tứ trụ

Một người có cửa hay không, hoặc cửa nhiều hay ít, khi nào thì gặp vận có cửa, tìm nó ở phương nào, nguồn của nó ra sao, khi nào cầu tài hay đầu tư có lợi, tất cả những điều này liên quan ít nhiều đến phát tài, đều được tàng chứa trong Tứ trụ giờ sinh tháng đẻ của mỗi người. Do đó bất kể là đơn vị quốc doanh hay cá nhân, nếu không biết được các thông tin về tài vận, không nắm được thời cơ tài vận mà mở doanh nghiệp một cách mù quáng thì nhất định khó tránh khỏi được hao tài tổn của.

Cũng có người nhìn thấy người khác làm ăn nên nổi, tự mình đã qua nên không thể nào phát tài được nữa. Người xưa có câu: "Có cửa không bằng sắp phát tài, sắp phát tài không bằng biết giữ cửa lại". Cho nên muốn biết được các thông tin về tài vận, phải hướng đến điều may, tránh xa cái bất lợi, trước phải dự đoán sau mới hành động. Như thế mới gọi là "tự mình nắm vững vận mệnh của mình". Đối với từng người là thế, đối với các xí nghiệp nhà nước lại càng cần phải thế.

Tứ trụ Quý Em có tài thì cái ăn, cái mặc không thiếu.

Quý Em có Tài lộ rõ là người hào phóng khảng khái.

Quý Em có Tài, Tài là thể tinh, có tài thì có vợ, ngược lại thì khó khăn.

Quý Em có Tài, Tài là nguyên thần của quan tinh, không có cửa thì khó mà quyền quý.

Trong trụ Quý Em có thiên tài nhập tạp khí là người phát tài rất lớn.

Trong trụ Quý Em gặp đất hợp tài là cơ nghiệp bền vững.

Trụ giờ Quý Em có mã tinh, không bị xung phá là lấy được vợ đẹp, được của từ bên ngoài đến, sinh con vinh hiển, tài sản hùng hậu. Đó không phải là của cha mẹ để lại, mà là được từ bên ngoài đưa đến, nên cần kiệm, không nên tiêu phí.

Quý Em Có tài gặp sát, người tuổi dần, ngọ, tuất gặp tân sửu, người tị, dậu, sửu gặp ất mùi, người thân, tý, thìn gặp bính tuất; người hợi, mao, mùi gặp mậu thìn, như thế gọi là thể tài tự hội. Người gặp như thế sẽ giàu, nhưng phải đề phòng vợ làm hại.

Quý Em có Thương quan gặp kiếp thì sẽ gặp cửa.

Tài tinh Quý Em chỉ có một ngôi mà được thời là nhà phú quý, nhưng người tính nóng

Quý Em Thân vượng có thể thành gia lập nghiệp

Bản thân Quý Em khắc trạch mã là phát của ở nước ngoài.

Tài quan Quý Em đều có và lộ rõ thì rất vinh hiển.

Thương quan bị thương tổn khi hết thương tổn, trở lại sinh tài thì châu báu tự nhiên mà đến.

Thất sát có chế ngự là người đại quý.

Trong trụ Quý Em vốn có tài tinh thì nên hành đến quan vận, hành quan vận sẽ phát tài.

Có nghĩa chờ đến đại vận lưu niên có Quan sẽ phát tài.

Quý Em Trong trụ vốn có quan tinh thì nên hành đến tài vận, hành tài vận sẽ sinh quan.

Có nghĩa chờ đến đại vận lưu niên có Tài sẽ sinh Quan.

Quan tinh Quý Em là lộc, tài tinh là mã, hành đến tài vận thì sẽ giàu.

Quý Em có Ấn nhiều hành đến tài vận sẽ phát phúc.

Năm, tháng, giờ đều sinh trợ cho ngày, như thế là ấn thụ sinh của, hành đến vận quan ấn thì sẽ giàu.

Thiên tài sợ hành vận có tỷ kiếp, vì gặp vận đó sẽ phá tài, bại tài.

Tài nên tàng ẩn, không nên để lộ, lộ thì dễ bị tranh giành.

Quý Em có 1 Tài lộ

Quý Em Thân vượng đến đại vận lưu niên nếu gặp tỷ kiếp thì năm đó phá tài bại nghiệp.

Ví dụ đến đại vận(10 năm) và lưu niên(1 năm) có cả tỷ và kiếp.

Quý Em có Tài rơi vào không vong tất sẽ nghèo.

Tài tinh gặp kinh dương thì mất của, mất người.

Trong trụ Quý Em có thập ác đại bại thì vàng đầy kho cũng thành đất bụi.

## Quan Vận

Quý Em có Quan ở vượng địa, rạng rỡ tổ tông.

Quý Em có Bính hợp Tân sinh, là tướng nắm giữ uy quyền (Nhật can Bính gặp tháng Tân Dậu hoặc nhật can Tân gặp tháng Bính Thân).

Quý Em có Tướng tinh cùng chỗ với Vong Thần, bậc đồng lương của quốc gia.

Quý Em có Tướng tinh cùng chỗ với Vong Thần, bậc đồng lương của quốc gia.

Quý Em Âm lâm Thiên Ất, mấy đời làm quan.

Quý Em Âm lâm Thiên Ất, mấy đời làm quan.

Quý Em có Quan ở cung giờ, mạng cường, tuổi về già được phong quan.

Quý Em có Tài trước, sau là Ấn, mỗi năm thăng quan một lần ( Trụ năm Tài trụ tháng Ấn hoặc tháng Tài giờ Ấn).

Thất Sát Quý Em có chế ngự, hưởng lộc phong hậu.

Quý Em có Thương Quan gặp Tài, quan cao mà tiền tài cũng khá.

Quý Em Vào ra nơi quyền quý, trên đầu quý nhân phải là Quan tinh ( Trụ tháng có Thiên Ất quý nhân).

Quý Em có Thương Quan đới Ấn, nhậm chức chính đốn kỹ cương trong triều.

Quý Em có Thương Quan đới Ấn, nhậm chức chính đốn kỹ cương trong triều.

Quan tinh không nên thấy cả hai, sợ rằng làm quan không lâu.

Quý Em có Quan Sát hỗn tạp, không quý hiển được.

Quý Em có Tài Quan Ấn đều toàn, thi đậu cao, dễ nổi danh.

Kim thủy Thương Quan đắc lệnh, văn chương đầu bảng (Ngày kim sinh tháng thủy).

Thiên Quan Quý Em bị chế phục thái quá, là nhà Nho nghèo, thời nay là nhà giáo.

Quý Em Mệnh gặp Ất Bính Đinh, đới Không vong sinh vượng, ẩn sĩ trong núi.

Ấn Quý Em bị phá Tài bị thương, đừng ham tìm kiếm công danh.

Quý Em có Thương Quan đới Ấn, có đảm thức thao lược, thành công vượt quá sức tưởng tượng của mọi người.

Quý Em có Thương Quan đới Ấn, có đảm thức thao lược, thành công vượt quá sức tưởng tượng của mọi người.

Quý Em có Sát tàng Quan lộ, ẩn ác dương danh, ai mà gặp phải, danh chấn hương bang.

Quý Em Tàng Ấn lộ Tài tự thân vượng, công danh hiển vinh.

Thời tọa Chính Quan, có tuổi mới thành danh.

## Nghề Nghiệp

---

Quý Em có Sát Ấn tương sinh, hợp theo nghề quân sự hoặc bác sĩ ngoại khoa, hoặc nhân viên cao cấp của xí nghiệp.

Quý Em có Tài Quan phù trợ lẫn nhau, nên học chính trị, pháp luật hoặc tài chính.

Quý Em có Sát Ấn tương sinh, hợp nghề võ, như quân sự, cảnh sát.

Mạng Quý Em có Dịch Mã, hợp ngành nghề lưu động hoặc chức vụ ngoại giao.

Quý Em có Tỷ Kiếp trùng điệp, không hợp làm quan hoặc nghề công thương nghiệp, nên theo nghề y, kế toán, thầy giáo hoặc ngành nghề tự do là hợp nhất.

Nhật chủ quá yếu, hợp mấy nghề kỹ xảo, nhất nghệ tinh nhất thân vinh.

Chính Quan Quý Em là hỏa, cá tính rất mạnh, cho nên thường “Lộ thấy bất bình, bạt đao tương trợ”, có uy, cũng hợp nghề văn hóa, giáo dục, nghệ thuật.

Quý Em có Tài chế Thiên Ấn, sẽ thành công trong ngành nghề thực nghiệp (sản xuất).

Quý Em có Chính Quan Thiên Ấn tương sinh, nghề gì có làm công ăn lương là hợp.

Quý Em Có Tài tinh và Dịch Mã, hợp giao thông vận tải, buôn bán, thông tin, truyền thông...

Quý Em có Thiên Tài gặp Thương Quan, theo nghề có tính thách thức, mạo hiểm, đầu cơ như mậu dịch, gia công, nghiệp vụ, marketing...

Quý Em có Thiên Tài gặp Chính Quan, nên theo nghề công vụ viên, thư ký, hành chính...

Tứ trụ hỷ dụng thần Quý Em là Thủy

Tứ trụ hỷ dụng thần Quý Em là Thủy, nên theo nghề nghiệp có liên quan tới thủy, như chạy việc bên ngoài, có tính lưu động, làm đá, trữ lạnh, hàng hải, du lịch, nhà thể thao, ký giả, hotel...Lợi hướng Tây Bắc, bất lợi Trung Nam.

Tứ trụ hỷ dụng thần Quý Em là Mộc

Tứ trụ hỷ dụng thần Quý Em là Mộc, nên theo nghề nghiệp có liên quan tới mộc, như lâm nghiệp, trồng trọt, kinh doanh đồ gỗ, đồ nội thất gỗ, văn nghệ, văn học, thầy giáo, nhà văn, giáo dục, hiệu sách, nhà xuất bản, công vụ, tư pháp, y liệu. Lợi Đông Bắc, không lợi Tây Nam.

## Con Cái

---

Trẻ em sau khi sinh nói chung can ngày nên có khí, lệnh tháng sinh phù, trụ năm phải tốt, ấn tinh không bị thương tổn, tài quan có chế ngự, thất sát được hóa giải, thương quan có hợp khí trung hoà, không gặp hình xung khắc hại, thì em bé đó dễ nuôi và sống lâu.

Xem con cái nhiều hay ít chủ yếu phải xem sự vượng suy của trụ giờ và phải xem trong Tứ trụ tử tinh (thực thần, thương quan) có bị khắc không. Người mà sinh tử tinh suy, tử tuyệt lại còn bị khắc hại tất sẽ không có con cái. Nếu sinh ngày canh, giờ ngọ, canh lấy át mộc làm vợ, át mộc sinh hỏa khắc canh kim, giờ ngọ hỏa ở vượng địa, là lộc của đỉnh hỏa cho nên sinh con cái nhiều mà phú quý. Nếu sinh vào các giờ Tuất, Hợi, Tý là đất hỏa tuyệt thì con cái ít hoặc đưa con sinh ra cô độc, nghèo hèn, hoặc về sau trở thành tăng đạo.

Quý Em Trong Tứ trụ không có sao con, trụ giờ lại không vượng thì khi đến đại vận lưu niên nếu có quan sát vượng mới có con cái, quá vận đó thì không có con nữa.

Trong Tứ trụ Quý Em có tài quan là đưa con sinh ở nhà giàu sang.

Quý Em Quan tinh gặp vượng thì con cái lớn lên vinh hiển.

Trong Tứ trụ Quý Em gặp quan nhiều là con gái nhiều, con trai ít

Quý Em Quan tinh rõ mà thân vượng là người nhiều con.

Can giờ Quý Em suy là sinh con gái.

Quý Em có Quan tinh đóng ở trụ giờ là con cái tháo vát, thẳng tiến.

Người sinh vào ngày giờ bính, đinh thì mắt to, râu dài, trán hẹp, tuổi trẻ nhiều bệnh hoạn.

Sinh vào ngày giờ tân thì mắt phượng, tai châu miệng có đái tai to.

Người sinh vào các giờ dần, thân, tị, hợi thì sinh ra nằm nghiêng.

Cha có thất sát là sinh con trai, quan tinh là sinh con gái. Mẹ có thất sát là sinh con gái, quan tinh là sinh con trai.

Cha có thương quan là sinh con gái, thực thần là sinh con trai. Mẹ có thương quan là sinh con trai, thực thần là sinh con gái.

Quý Em có Can ngày can giờ khắc nhau nên lần sinh đầu là con trai.

Quý Em có Can ngày, can giờ là ngang vai nên lần sinh đầu là con gái.

Cung con cái Quý Em ở hưu, tù, tử, tuyệt, bệnh là có con cũng như không.

Trong ấn nhiều thì mãi đến già vẫn không có con.

Trụ giờ Quý Em quan tinh không có khí thì sinh con nhưng khó nuôi.

Quý Em có Kinh dương đóng ở trụ giờ thì con cái ngỗ ngược bất hiếu.

Quý Em Trụ giờ gặp kinh dương hoặc thương quan là làm tổn hại con cái.

Giờ khắc can ngày là con không kính trọng cha.

Quý Em Trong trụ có kim thủy thì đưa con chậm nói.

Thê tài Quý Em ở tuyệt địa bị khắc thì khó có con.

Trụ tháng Quý Em có tài thì tuy đưa con giàu có nhưng là con nuôi.

Về dự đoán đưa con chúng tôi chú trọng nghiên cứu lần sinh thứ nhất là con trai hay con gái và như thế nào thì sinh con trai, thế nào là sinh con gái. Còn những mặt khác chỉ nghiên cứu chung chung.

## Sức Khỏe & Bệnh Tật

Quý Em có Thương quan bị chế phục thái quá, dễ phòng mắt đau, chân đau.

Kim thủy tương sinh mà quá vượng nên chú ý khí trệ, hen, ho, nghẹt mũi, hơi cảm thấy bồn chồn lo lắng, cảm thấy hiện tượng ngực dưới như bị thương, thờ gập, miệng khô khát.

Thổ kim tương sinh mà quá vượng, hay khí hư, thường đầy bụng, bí đại tiện, khát nước.

Kim chủ về phổi, bị hỏa xung khắc, tửu sắc thành bệnh.

Hỏa bị thủy khắc, mắt mờ.

Kim thủy khô, thận hư.

## Hướng Dẫn Xem

## Hướng Dẫn Cách Xem Vòng Trường Sinh

Trong lá số tứ trụ sau mỗi Can Chi (can là giáp át binh đinh..., chi là tý sửu dần mao...) hay sau Thập Thần thì chúng ta điều thấy những tên trong vòng trường sinh xuất hiện như Đế Vượng, Lâm Quan, Quan Đới... Suy, Bệnh, Tử... Những tên trong vòng trường sinh đó cho ta biết sự mạnh yếu đối với cặp Can Chi đó hay sự mạnh yếu của 10 thần như; Tài, Quan, Ân, Tỷ, Kiếp...

Sự mạnh yếu đôi khi có lợi và đôi khi có hại cho ta, ví dụ như gặp hung tinh tức cái khắc ta, nếu hung tinh đó yếu thì sự ảnh hưởng của nó sẽ nhỏ đi, còn đối với phúc tài tinh nếu mạnh thì sẽ phù trợ ta tốt hơn. Riêng Mộ còn gọi là Kho, Tài mà có kho tức có nơi giữ tài, rất tốt.

Tóm lại vòng trường sinh cho ta biết sự mạnh yếu của từng sao, để biết sự mạnh yếu đến đâu thì Quý Em hãy nhìn bản điểm.

Vòng Trường Sinh	Thai	Dưỡng	Trường Sinh	Mộc Dục	Quan Đới	Lâm Quan	Đế Vượng	Suy	Bệnh	Tử	Mộ	Tuyệt
Điểm	4.1	4.1	6	7	8	9	10	5.1	4.8	3	3	3.1

## Hướng Dẫn Cách Xem Thập Thần

Thập thần còn được gọi là 10 thần, 10 thần này gồm có: **Thương**(Thương Quan), **Thực**(Thực Thần), **Tài**(Chánh Tài), **T.Tài**(Phiến Tài,Thiên Tài), **Quan**(Chánh Quan), **Sát**(Thất Sát), **Ân**(Chánh Ân), **Kiều**(Phiến Ân, Thiên Ân), **Kiếp**(Kiếp Tài), **Tỷ**(kiên).

10 thần này đại diện cho tất cả những thứ chung quanh ta như: Ông bà, cha mẹ, cấp trên xếp, anh chị, bạn bè, vợ chồng, chính ta, con cái, tiền tài, sự nghiệp... Dựa vào sự xuất hiện của 10 thần trên lá số và kết hợp sự mạnh yếu của vòng trường sinh sẽ cho ta biết sự mạnh yếu của từng thần mà giải đoán lá số.

Quý Em hãy xem hình minh họa phía dưới, những ô mà chúng tôi đóng khung đỏ bao gồm các Thần và vòng trường sinh, đó là những thứ liên quan với nhau về sự mạnh yếu, để biết mạnh yếu thì nhìn vòng trường sinh.

Nhìn vào hình minh họa chúng ta sẽ thấy các ô chữ nhật dài màu đỏ đầu tiên là những "lộ" thần, còn gọi là thần của Thiên Can, đây là những thần chính của tứ trụ, tượng trưng những thứ bộc lộ ra bên ngoài, đến ô chữ nhật dài thứ hai là can chi của từng trụ và Quý Em có thể nhìn vòng trường sinh mà biết sơ về sự mạnh yếu của trụ đó, và để biết sự mạnh yếu của từng trụ phải phối hợp nhiều thành phần như sự xung khắc can chi ngũ hành giữ các trụ, sự bố cục các sao của trụ..., nếu Quý Em chưa biết gì về tứ trụ thì nên hiểu như vậy cho đỡ rối. Những (3) ô hình vuông xếp hàng dọc phía dưới là những thần tàng ẩn, còn gọi là thần của địa Chi, những thần này cho biết những sự việc tàng ẩn bên trong. Ví dụ ở thần lộ phía trên mà có Tài thì cho biết người đó hào phóng sang trọng(lộ ra ngoài), còn nếu có Tài ẩn và có kho(mộ) như ở trụ năm cột thứ ba thì cho biết người này có tiền của(ẩn), bề ngoài thấy không sang trọng nhưng là người (sẽ) có tiền, và đôi khi kho chưa mở thì họ cũng không có tiền vì chưa gặp vận xung kho(phá mở kho).

Trụ Năm 1980	Trụ Tháng 04	Trụ Ngày 16	Trụ Giờ 17:17
Thương Dưỡng CANH THÂN L. Quan Canh Mậu Nhâm Thương Mậu Kiếp Tài Dưỡng Q.Đới Mộ	Thương Dưỡng CANH THÂN Dưỡng Mậu Ất Quý Kiếp Sát T.Tài Q.Đới Q.Đới Dưỡng	Thần Tỷ Suy KỶ MÙI Q.Đới Kỷ Ất Đinh Tỷ Sát Kiêu Suy Q.Đới Suy	T.Tài Dưỡng QUÝ DẬU Bệnh Tân Thực Mộ

### Ý Nghĩa của từng trụ:

- Trụ năm tượng trưng cho ông bà và tuổi thiếu niên của Quý Em Trai
- Trụ tháng tượng trưng cho cha mẹ và tuổi thanh niên của Quý Em Trai
- Trụ ngày tượng trưng cho bản thân, vợ chồng và tuổi trung niên của Quý Em Trai
- Trụ giờ tượng trưng cho con cái và tuổi già của Quý Em Trai

### Ý Nghĩa của 10 thần:

**1. Quan** (Chính quan) là cái khắc tôi, đại diện cho quan chức tốt, chính trực trong chính quyền điều hành xã hội, mà con người phải tuân theo pháp luật nhà nước, nói chung chính quan được coi là cát thần, nhất là khi Thân vượng.

Công năng của chính quan trong mệnh là bảo vệ tài, áp chế Thân, khống chế tỷ và kiếp. Thân vượng tài



nhược thì nên có chính quan để bảo vệ tài. Thân vượng mà ấn nhược thì chính quan sẽ sinh ấn và chế ngự Thân cho bớt vượng. Thân vượng kiếp nhiều thì chính quan sẽ khắc chế kiếp.

Trong mệnh chính quan đại diện cho chức vụ, học vị, thi cử, bầu cử, danh dự... Với nam Chính quan còn đại diện cho tình cảm với con gái. Vì nam lấy tài làm vợ, tài sinh quan và sát là con, nên nam lấy quan làm con gái, sát làm con trai (vì âm, dương khác với nhật can là con gái, giống là con trai).

Tâm tính của chính quan : chính trực, có tinh thần trách nhiệm, đoan trang nghiêm túc, làm việc có đầu có đuôi. Nhưng dễ bảo thủ cứng nhắc, thậm chí là người không kiên nghị.

**2. Sát** (Thất sát, thiên quan) là cái khắc tôi, nó thường đại diện cho quan lại xấu trong chính quyền. Trong mệnh thất sát chuyên tấn công lại Thân, cho nên Thân dễ bị tổn thương, khi đó cần có thực thương tới để khắc chế thất sát thì lại trở thành tốt (nghĩa là bắt quan xấu phải phục vụ cho mình “thất sát hóa thành quyền bính”). Nói chung khi Thân nhược thất sát được coi là hung thần.

Công năng của thất sát làm tổn hao tài, sinh ấn, công phá Thân, khắc chế tỷ kiếp.

Trong mệnh thất sát đại diện cho chức vụ về quân cảnh, hoặc nghề tư pháp, thi cử, bầu cử ... Với nam thất sát còn đại diện cho tình cảm với con trai.

Tâm tính của thất sát, hào hiệp, năng động, uy nghiêm, nhanh nhẹn... Nhưng dễ bị kích động, thậm chí dễ trở thành người ngang ngược, trụy lạc...

**3. Ấn** (Chánh ấn) là cái sinh ra tôi, khi Thân nhược thường được coi là cát thần, ấn có nghĩa là con dấu, đại diện cho chức vụ, quyền lợi, học hành, nghề nghiệp, học thuật, sự nghiệp, danh dự, địa vị, phúc thọ... Chính ấn là sao thuộc về học thuật và còn đại diện cho tình cảm của mẹ đẻ.

Công năng của chính ấn, sinh Thân, xì hơi quan sát, chống lại thực thương.

Tâm tính của chính ấn, thông minh, nhân từ, không tham danh lợi, chịu đựng nhưng ít khi tiến thủ, thậm chí còn chậm chạp, trì trệ....

**4. Kiêu** (Thiên ấn) là cái sinh phù tôi, đại diện cho quyền uy trong nghề nghiệp như nghệ thuật, nghệ sĩ, y học, luật sư, tôn giáo, kỹ thuật, nghề tự do, những thành tích trong dịch vụ.... Nó còn đại diện cho tình cảm của di ghê.

Công năng của thiên ấn sinh Thân, xì hơi quan sát để sinh cho Thân, chống lại thực thương . Mệnh có thiên ấn có thể phù trợ cho Thân nhược. Nhưng gặp thực thần là mệnh lao dịch, vất vả. Thiên ấn quá nhiều thì đó là người phúc bạc, bất hạnh, tật bệnh hoặc con cái khó khăn khi đó chỉ có thiên tài mới có thể giải được các hạn này. Người mà tứ trụ có Thân vượng, còn có kiêu, tài và quan tất là người phú quý. Mệnh có thiên ấn lại còn gặp quan sát hỗn tạp (có cả chính quan và thiên quan, không tính Quan và Sát là tạp khí ) là người thắng lợi nhiều mà thất bại cũng lắm. Nói chung khi Thân vượng thiên ấn được coi là hung thần.

Tâm tính của thiên ấn, tinh thông tay nghề, phản ứng nhanh nhạy, nhiều tài nghệ, nhưng dễ cô độc, thiếu tính người, thậm chí ích kỷ, ghẻ lạnh...

**5. Tỷ** (Kiên, Ngang vai) là ngang tôi (là can có cùng cùng hành và cùng dấu với Nhật Can), gọi tắt là tỷ. Đại diện cho tay chân cấp dưới, bạn bè, đồng nghiệp, cùng phe phái, tranh lợi, đoạt tài, khắc vợ, khắc cha ,... Nữ đại diện cho tình chị em, nam đại biểu cho tình anh em.

Công năng của ngang vai có thể giúp Thân khi Thân nhược, cũng như tài nhiều (của cải nhiều) nhờ ngang vai giúp Thân để khỏi mất của. Nhưng Thân vượng lại có ngang vai nhiều mà không bị chế ngự là tay chân cấp dưới không hòa thuận, hoặc kết hôn muộn, tính tình thô bạo, cứng nhắc, cố chấp, không hòa hợp với cộng đồng, khắc cha, khắc vợ, làm nhiều mà không gặp tiền của.

Tâm tính của ngang vai, chắc chắn, cương nghị, mạo hiểm, dũng cảm, có chí tiến thủ, nhưng dễ cô độc, ít hòa nhập, thậm chí cô lập, đơn côi. Nói chung khi thân vượng ngang vai được coi là hung thần (vì lúc đó nó tranh đoạt tài với Thân).

**6. Kiếp tài** cũng là ngang tôi (là can cùng hành nhưng khác dấu với Nhật Can), gọi tắt là kiếp. Nó đại diện cho tay chân cấp dưới, bạn bè, tranh lợi đoạt tài, khắc vợ, khắc cha, lang thang... Thân vượng mà có nhiều kiếp cũng giống như ngang vai ở trên. Nữ đại diện cho tình anh em, nam đại diện cho tình chị em....

Công năng của kiếp cũng giống như của ngang vai.

Tâm tính của kiếp tài là nhiệt tình, thẳng thắn, ý chí kiên nhẫn, phấn đấu bất khuất, nhưng dễ thiên về mù quáng, thiếu lý trí, thậm chí manh động, liều lĩnh....

**7. Thực** (Thực thần) là cái mà nhật can sinh ra (cùng dấu với Nhật Can). Đại diện cho phúc thọ, người béo, có lộc. Nữ đại diện cho tình cảm với con gái.

Công năng của thực thần làm xì hơi Thân, sinh tài, đối địch với thất sát, làm quan bị tổn thương. Khi gặp sát thì có thể chế phục làm cho Thân được yên ổn không có tai họa, nên nói chung được xem là cát thần.

Tâm tính của thực thần, ôn hòa, rộng rãi với mọi người, hiền lành, thân mật, ra vẻ tốt bề ngoài nhưng trong không thực bụng, thậm chí nhút nhát, giả tạo. Can chi đều có thực thần thì phúc lộc dồi dào, nhưng không thích hợp cho người công chức mà thích hợp với những người làm nghề tự do. Mệnh nữ có thực thần là hay khinh rẽ chồng. Thực và sát cùng một trụ là người có dịp nắm quyền bính nhưng dễ bị vất vả, lao khổ, tai ách và ít con. Can có thực thần, chi có ngang vai là chủ về người có thân thích, bạn hữu hoặc tay chân giúp đỡ. Can là thực thần, chi là kiếp tài là chủ về người phúc đức giàu có, khi gặp điều xấu vẫn có lợi. Thực thần có cả kiếp tài, thiên ấn đi kèm là người dễ đoán thọ (?). Người tài nhiều thì điểm phúc ít. Thực thần lâm trường sinh vượng địa hoặc cát thần thì phúc lộc nhiều, phần nhiều là người phúc lộc thọ toàn diện. Thực thần lâm tử, tuyệt, suy thì phúc ít, bạc mệnh. Thực thần lâm mộ địa là người dễ chết yểu (?).

**8. Thương** (Thương quan) cũng là cái nhật can sinh ra (nhưng khác dấu với Nhật Can). Đại diện cho bị mất chức, bỏ học, thôi việc, mất quyền, mất ngôi, không chúng tuyển, không thi đỗ, không lợi cho người nhà và chồng. Nữ đại diện cho tình cảm với con trai.

Công năng của thương quan làm xì hơi Thân, sinh tài, đối địch với thất sát, làm thương tổn quan. Sợ nhất là "thương quan gặp quan là họa trăm đường ập đến". Nói chung thương quan được xem là hung thần, nhất là khi Thân nhược.

Tâm tính thông minh, hoạt bát, tài hoa dồi dào, hiểu thẳng, nhưng dễ tùy tiện, thiếu sự kiềm chế ràng buộc, thậm chí tự do vô chính phủ....

Người thương quan lộ rõ (lộ và vượng) tâm tính thanh cao hiên ngang, dám chửi mắng cả quỷ thần. Nhật Can vượng thì lại càng hung hăng hơn, loại người này tính xấu. Những người bề trên cũng không dám đụng đến nó, kẻ tiểu nhân thì càng sợ mà lánh cho xa. Nhưng thương quan vượng mà Thân nhược thì tính tình vẫn là thương quan, chỉ có điều không ghê gớm đến như thế. Thương quan trong tứ trụ nếu có Thân vượng thì nó là hỷ dụng thần khi hành đến vận tài phú quý tự nhiên đến.

**9. Tài** (Chính tài) là cái bị Thân khắc (có dấu khác với Nhật Can) là cái nuôi sống tôi. Đại diện cho tài lộc, sản nghiệp, tài vận, tiền lương. Còn đại diện cho vợ cả (với nam).

Công năng là sinh quan và sát, xì hơi thực thương, áp chế kiêu thần làm hại chính ấn. Nói chung chính tài được coi là cát thần.

Tâm tính cần cù, tiết kiệm, chắc chắn, thật thà, nhưng dễ thiên về cầu thả, thiếu tính tiến thủ, thậm chí trở thành nhu nhược, không có tài năng....

Người Thân vượng, tài vượng là bậc phú ông trong thiên hạ, nếu có cả chính quan là phú quý song toàn, nam thì được vợ hiền nội trợ tốt. Ngược lại người Thân nhược mà tài vượng thì không những nghèo mà cầu tài rất khó khăn, trong nhà vợ nắm quyền hành. Tài nhiều thường không lợi cho đường học hành, là người dốt nát. Địa chi tàng tài là tài phong phú, tài thấu ra là người khảng khái. Tài có kho (ví dụ : nếu át là tài thì kho là dần và mao hay tàng trong các chi Thổ) khi gặp xung tất sẽ phát tài (như tài là Ất, Mậu hay Quý tàng trong Thìn khi gặp Tuất ở tuế vận xung Thìn). Thân vượng có chính tài còn gặp thực thần là được vợ hiền giúp đỡ. Chính tài và kiếp tài cùng xuất hiện trong tứ trụ thì trong cuộc đời dễ gặp phải tiểu nhân nên tài dễ bị tổn thất.

**10 T. Tài** (Thiên tài) cũng là cái bị Thân khắc (nhưng cùng dấu với Nhật Can) cũng là cái nuôi sống tôi. Đại diện cho cửa riêng, trúng thưởng, phát tài nhanh, đánh bạc, tình cảm với cha. Với nam còn đại diện cho tình cảm với vợ lẽ.

Công năng của thiên tài: sinh quan sát, xì hơi thực thương, áp chế kiêu thần, làm hại chính ấn. Nói chung thiên tài được coi là cát thần.

Tâm tính của thiên tài, khảng khái, trọng tình cảm, thông minh, nhạy bén, lạc quan, phóng khoáng, nhưng dễ thiên về ba hoa, bề ngoài, thiếu sự kiềm chế, thậm chí là người phù phiếm....

Thiên tài đại diện cho cha hoặc vợ lẽ, hoặc nguồn của cải bằng nghề phụ. Thân vượng, tài vượng, quan vượng thì danh lợi đều có, phú quý song toàn. Thiên tài thấu can thì kỵ nhất gặp tử và kiếp, vì như thế vừa khắc cha lại làm tổn hại vợ (với nam). Can chi đều có thiên tài là người xa quê lập nghiệp trở lên giàu có, tình duyên tốt đẹp, của cải nhiều. Thiên tài được lệnh (vượng ở tháng sinh) là cha con hoặc thê thiếp hòa thuận, được của nhờ cha hoặc nhờ vợ, cha và vợ đều sống lâu, vinh hiển (?). Thiên tài lâm mộ dục là người háo sắc phong lưu. Thiên tài lâm mộ địa là cha hoặc vợ dễ chết sớm (?).

Qua phân luận đoán vừa nói trên, chúng tôi hy vọng Quý Em đã có được lời giải đáp cho vận mệnh của Quý Em. Quý Em có thể xem thêm phần [tử vi bình giải](#) để nắm rõ hơn các chi tiết khác về vận mệnh Quý Em.

Xem Tướng chấm net chân thành chúc Quý Em Xemtuong thật nhiều sức khỏe và vạn sự như ý.

Trân Trọng.

XemTuong.net